

Số: /KH-UBND

Mường Tè, ngày tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Mường Tè

Căn cứ Kế hoạch số 1699/KH-UBND, ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” tỉnh Lai Châu.

UBND huyện Mường Tè ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu, tiến độ các nhiệm vụ của Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện và các mục tiêu, kế hoạch của các cấp về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, tạo đột phá trong việc đổi mới các hoạt động giáo dục và đào tạo.

2. Yêu cầu

Cụ thể hóa các nội dung giải pháp, nhiệm vụ đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa phương, đơn vị. Phân công trách nhiệm cụ thể theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quan

Chủ động tận dụng tiến bộ về công nghệ để thúc đẩy, đổi mới sáng tạo trong dạy, học và kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng, tạo mọi cơ hội cho việc tiếp cận giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục; tiến tới xây dựng ngành Giáo dục mở, thích ứng trên nền tảng số, góp phần thúc đẩy hiệu quả việc phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Tăng cường đổi mới phương thức tổ chức giáo dục đào tạo, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu đối với mỗi nhà giáo, người học.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: Có ít nhất 40% học sinh (*trong đó khu vực thuận lợi ít nhất 60%, khu vực khó khăn ít nhất 20%*) và 100% sinh viên, nhà giáo (*có đủ điều kiện về phương tiện, đường truyền, phần mềm*) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

+ Từng bước xây dựng kho học liệu trực tuyến ngành Giáo dục đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

+ Tiếp tục đẩy mạnh hiệu quả việc khai thác, sử dụng các nền tảng dạy và học trực tuyến, ưu tiên sử dụng các nền tảng dạy và học trực tuyến có tính ưu việt cao, được sử dụng phổ biến.

+ Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 4% ở cấp tiểu học, 8% ở cấp trung học.

b) Đổi mới các phương thức quản lý giáo dục dựa trên các dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục.

- Về quản trị nhà trường: Phân đầu 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn tỉnh, đồng bộ với định danh toàn quốc.

+ 45% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục:

+ Hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn ngành, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu khác của huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Cơ quan quản lý giáo dục cấp huyện đến các xã, thị trấn được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 80% hồ sơ công việc cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (*hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán*).

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 70%.

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 60%.

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 60%.

2.2. Định hướng đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của ngành Giáo dục vào môi trường số, trong đó: Triển khai ứng dụng nền tảng dạy và học trực tuyến của ngành Giáo dục tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông. 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong ngành Giáo dục của huyện được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

- Đảm bảo điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục.

- Bổ sung kinh phí trang bị lớp học thông minh ứng dụng nền tảng học tập từ xa cho các cơ sở giáo dục phổ thông phục vụ giao ban, tập huấn, giảng dạy trực tuyến, đặc biệt là việc dạy và học đối với môn ngoại ngữ.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

2.1. Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành Giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Trang bị hệ thống thư viện điện tử đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của học sinh, giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông.

2.3 Tăng cường triển khai, ứng dụng các nền tảng số phục vụ dạy và học

- Ứng dụng các nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi, đánh giá người học trên máy tính và trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường.

- Ứng dụng nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến, tăng cường công nhận hoàn thành các nội dung giáo dục trực tuyến của các cơ sở giáo dục.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục

3.1. Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Tổ chức rà soát, cải cách các mô hình quản trị cơ sở giáo dục bao gồm quản lý tuyển sinh, quản lý chương trình giáo dục, quản lý thông tin người học, quản lý thông tin đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý các hoạt động giáo dục.

- Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Đẩy mạnh hiệu quả công tác tích hợp các hệ thống nghiệp vụ của ngành Giáo dục với Hệ thống thông tin một cửa điện tử để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

3.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Triển khai xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đến các đơn vị trường; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu khác của huyện, tỉnh và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ công tác quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của toàn ngành Giáo dục, bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học, chương trình giáo dục.

3.3. Triển khai ứng dụng các nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu các cấp, tiếp tục khai thác triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

- Xây dựng nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành Giáo dục và được kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, toàn quốc.

4. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng đến toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên và người dân nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

- Triển khai các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong ngành Giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên.

- Từng bước áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; thực hiện giáo dục nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở trong chương trình giảng dạy.

5. Triển khai cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

- Triển khai, thực hiện các chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech); chính sách máy tính giáo dục cho học sinh; chính sách Internet giáo dục;

- Rà soát, cụ thể hóa các quy định kỹ thuật về dữ liệu tại địa phương; hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành Giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu của huyện, của tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn kết nối kỹ thuật; cụ thể hóa các tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành Giáo dục, các bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách Nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho ngành Giáo dục theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch, nguồn xã hội hóa và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt để thực hiện nhiệm vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch. Hàng năm, lồng ghép nội dung kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các đơn vị.

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan tại mục II của Kế hoạch này và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

- Hàng năm, tổng hợp, dự toán kinh phí triển khai thực hiện, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định, trình UBND huyện xem xét phê duyệt.

- Tham mưu UBND huyện tổ chức sơ kết sau 02 năm triển khai Kế hoạch; đề xuất, kiến nghị UBND huyện điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch trong trường hợp cần thiết; tổng kết sau khi kết thúc thực hiện Đề án.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện nghiên cứu, có các chính sách ưu đãi về dịch vụ Internet và dịch vụ công nghệ thông tin đối với người học, đội ngũ nhà giáo và các cơ sở giáo dục; hàng năm rà soát, cơ sở hạ tầng viễn thông, Internet đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trong ngành Giáo dục, đảm bảo kết nối internet tốc độ cao tới tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND huyện tổng hợp nhu cầu, bố trí kinh phí triển khai, thực hiện Kế hoạch theo quy định; phân bổ nguồn vốn đầu tư công hàng năm để thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Căn cứ mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch, thực hiện cụ thể hóa nội dung trong các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tổ chức triển khai thực hiện.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND xã, thị trấn, nghiêm túc tổ chức triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy; (b/c)
- Chủ tịch, PCT UBND huyện (Đ/c Nam);
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Kiều Hải Nam